

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019 THEO HỌC BẠ

Cập nhật ngày 27/3/2019

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
I	TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA	DDK	340				
1	Công nghệ dầu khí và khai thác dầu (Chất lượng cao)	7510701CLC	20	1. Toán + Hóa học + Vật lý 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hoá học	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
2	Kỹ thuật nhiệt (Chất lượng cao)	7520115CLC	45	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Vật lý	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
3	Kỹ thuật môi trường (Chất lượng cao)	7520320CLC	25	1. Toán + Hóa học + Vật lý 2. Toán + Hóa học + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Hoá học	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
4	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (Chất lượng cao)	7580202CLC	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Vật lý	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
5	Kỹ thuật XD công trình giao thông (Chất lượng cao)	7580205CLC	60	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Vật lý	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
6	Kinh tế xây dựng (Chất lượng cao)	7580301CLC	45	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Vật lý	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
7	Chương trình tiên tiến Việt-Mỹ ngành Điện tử viễn thông	7905206	45	1. Tiếng Anh + Toán + Vật lý 2. Tiếng Anh + Toán + Hóa học	Ưu tiên theo thứ tự: Anh, Toán	ĐXT $\geq 21,00$, điểm Tiếng Anh $\geq 7,00$ (hoặc IELTS từ 4,5 trở lên) và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
8	Chương trình tiên tiến Việt-Mỹ ngành Hệ thống nhúng	7905216	25	1. Tiếng Anh + Toán + Vật lý 2. Tiếng Anh + Toán + Hóa học	Ưu tiên theo thứ tự: Anh, Toán	ĐXT $\geq 21,00$, điểm Tiếng Anh $\geq 7,00$ (hoặc IELTS từ 4,5 trở lên) và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
9	Chương trình đào tạo kỹ sư chất lượng cao Việt-Pháp	PFIEV	50	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên theo thứ tự: Toán, Vật lý	ĐXT $\geq 21,00$ và không có môn nào trong tổ hợp xét tuyển $< 5,00$	
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	DDS	540				
1	Sư phạm Âm nhạc	7140221	10	1. Ngữ Văn + Năng khiếu 1 (Thảm âm, Tiết tấu)*2 + Năng khiếu 2 (Hát, Nhạc cụ)*2	Không	Theo quy định của Bộ GD&ĐT và điểm các môn năng khiếu $\geq 5,00$	
2	Công nghệ sinh học	7420201	30	1. Sinh học + Hóa học + Toán 2. Sinh học + Toán + Tiếng Anh 3. Toán + Vật lý + Hóa học	Không	(*)	
3	Vật lý học (Chuyên ngành Điện tử-Công nghệ Viễn thông)	7440102	25	1. Vật lý + Toán + Hóa học 2. Vật lý + Toán + Tiếng Anh 3. Vật lý + Toán + Sinh học	Không	(*)	
4	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa Dược (tăng cường Tiếng Anh); 3. Hóa phân tích môi trường	7440112	50	1. Hóa học + Toán + Vật lý 2. Hóa học + Toán + Tiếng Anh 3. Hóa học + Toán + Sinh học	Không	(*)	
5	Khoa học môi trường	7440301	25	1. Hóa học + Toán + Vật lý 2. Hóa học + Toán + Tiếng Anh 3. Hóa học + Toán + Sinh học	Không	(*)	

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
6	Toán ứng dụng, gồm các chuyên ngành: 1. Toán ứng dụng (chuyên ngành Tính toán và lập trình); 2. Toán ứng dụng (tăng cường tiếng Anh)	7460112	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không	(*)	
7	Công nghệ thông tin	7480201	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không	(*)	
8	Văn học	7229030	20	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + GDCD + Toán 4. Ngữ văn + GDCD + Tiếng Anh	Không	(*)	
9	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	20	1. Lịch sử + Ngữ văn + Địa lý 2. Lịch sử + Ngữ văn + GDCD 3. Lịch sử + Ngữ văn + Tiếng Anh	Không	(*)	
10	Địa lý học (Chuyên ngành: Địa lý du lịch)	7310501	25	1. Địa lý + Ngữ văn + Lịch sử 2. Địa lý + Ngữ văn + Tiếng Anh	Không	(*)	
11	Văn hoá học	7229040	25	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + GDCD + Toán 4. Ngữ văn + GDCD + Tiếng Anh	Không	(*)	
12	Tâm lý học	7310401	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Lịch sử 2. Ngữ văn + Tiếng Anh + Toán 3. Sinh học + Toán + Hóa học	Không	(*)	
13	Báo chí	7320101	25	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + GDCD + Toán 4. Ngữ văn + GDCD + Tiếng Anh	Không	(*)	
14	Công tác xã hội	7760101	25	1. Ngữ văn + Địa lý + Lịch sử 2. Ngữ văn + Tiếng Anh + Toán	Không	(*)	
15	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	25	1. Sinh học + Toán + Hóa học 2. Sinh học + Toán + Tiếng Anh 3. Hóa học + Toán + Vật lý	Không	(*)	
16	Công nghệ thông tin (đặc thù)	7480201DT	150	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không	(*)	
III	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT	DSK	480				
1	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành theo 15 ngành đào tạo tại Trường)	7140214	16	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn 3. Toán + Hóa học + Ngữ văn 4. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Toán	Theo quy định của Bộ GD&ĐT	

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
2	Sinh học ứng dụng	7420203	12	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
3	Công nghệ thông tin	7480201	60	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
4	Công nghệ kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng & Công nghiệp)	7510103	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
5	Công nghệ kỹ thuật giao thông (Chuyên ngành Xây dựng cầu đường)	7510104	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (Chuyên ngành Cơ khí chế tạo)	7510201	44	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
8	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	44	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
9	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	7510206	28	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Gồm 02 chuyên ngành Kỹ thuật điện tử và Hệ thống cung cấp điện)	7510301	56	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
11	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	24	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
12	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
13	Công nghệ vật liệu	7510402	12	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
14	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	12	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
15	Kỹ thuật thực phẩm	7540102	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
16	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	12	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
IV	PHÂN HIỆU KON TUM	DDP	260				
1	Quản lý nhà nước	7310205	20	1. Toán + Địa lý + GDCD 2. Toán + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 4. Toán + Ngữ văn + GDCD	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
2	Quản trị kinh doanh	7340101	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Địa lý 4. Toán + Địa lý + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	40	1. Toán + Địa lý + GDCD 2. Toán + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 4. Toán + Ngữ văn + GDCD	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Địa lý 4. Toán + Địa lý + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
5	Kế toán	7340301	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Địa lý 4. Toán + Địa lý + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
6	Luật kinh tế	7380107	40	1. Toán + Địa lý + GDCD 2. Toán + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 4. Toán + Ngữ văn + GDCD	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
7	Công nghệ thông tin	7480201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Sinh học 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Sinh học + Địa lý	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
8	Công nghệ sinh học	7420201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Sinh học 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Sinh học + Địa lý	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
9	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng & công nghiệp)	7580201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Sinh học 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Sinh học + Địa lý	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
V	VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VIỆT - ANH		110				
1	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	7340124	60	1. Toán + Tiếng Anh + Ngữ Văn 2. Toán + Vật lý + Hóa học 3. Toán + Ngữ Văn + Vật lý 4. Toán + Tiếng Anh + Vật lý	Không	1. ĐXT $\geq 18,00$ 2. Bài tự luận cá nhân xếp loại ĐẠT 3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT	
2	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	7480204	15	1. Toán + Ngữ Văn + Tiếng Anh 2. Toán + Vật lý + Hóa học 3. Toán + Ngữ Văn + Vật lý 4. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không		
3	Khoa học Y sinh	7420204	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Hóa học + Sinh học 3. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 4. Toán + Sinh học + Tiếng Anh	Không		

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
4	Khoa học Dữ liệu (Đặc thù)	7480205DT	15	1. Toán + Ngữ Văn + Tiếng Anh 2. Toán + Vật lý + Hóa học 3. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 4. Toán + Tiếng Anh + Sinh học	Không		
VI	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	DDI	150				
1	Công nghệ thông tin	7480201	50	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 4. Toán + Hóa học + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
2	Công nghệ thông tin (Đào tạo đặc thù)	7480201DT	60				
3	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	20				
4	Quản trị kinh doanh	7340101	20				
VII	KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT	DDG					
1	Giáo dục Thể chất	7140206	15	1. Toán + Sinh học + Năng khiếu TDTT*2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 100m) 2. Toán + Ngữ văn + Năng khiếu TDTT*2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 100m) 3. Ngữ văn + Sinh học + Năng khiếu TDTT*2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 100m) 4. Toán + Vật lý + Năng khiếu TDTT*2 (Bật xa tại chỗ, Chạy 100m)	Không	Theo quy định của Bộ GD&ĐT; Tổng điểm 2 môn văn hóa theo tổ hợp $\geq 10,00$ và Điểm Năng khiếu TDTT $\geq 5,00$	

Ghi chú:

- (*) Ngưỡng ĐBCL đầu vào được công bố sau khi có kết quả thi THPT QG;
- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên;
- Điểm môn học dùng để xét tuyển là điểm trung bình học kỳ I và học kỳ II năm lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ;
- Trường ĐH SPKT: Tất cả các ngành chỉ tổ chức đào tạo nếu số lượng trúng tuyển lớn hơn 20. Trường hợp ngành có số lượng trúng tuyển dưới 20, sinh viên được phép đăng ký chuyển sang ngành đào tạo khác có điểm trúng tuyển thấp hơn điểm trúng tuyển ngành đã đăng ký;
- Trường ĐHSP: Chỉ tổ chức đào tạo nếu số lượng thí sinh trúng tuyển vào các ngành Chất lượng cao là trên 10 và các ngành còn lại là trên 15 thí sinh.
- Phân hiệu Kon Tum: Số lượng sinh viên tối thiểu để mở ngành ≥ 15